TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Nhanh.

ông Nguyễn Đại Đồng.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: ông Nguyễn Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Dương Thị H, sinh năm 1991.

2. Bị đơn: anh Lê Văn G, sinh năm 1990.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 4, thôn P, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn G tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 27/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống tại xã L. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2011 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn anh G

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thành A, sinh ngày 03/10/2010. Nay ly hôn, chị H đề nghị giao cháu Lê Thành A cho anh Lê Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chịị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn là anh Lê Văn G: hiện có hộ khẩu và đang cư trú tại xóm 4, thôn P, xã L, huyện M. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh G đều vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được giao cho bà Cao Thị Th là mẹ đẻ của anh G. Bà Th nhận trách nhiệm giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh G ngay trong ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn Dương Thị H đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn Lê Văn G dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Lê Văn G.

Về con chung: xét thấy con chung từ khi vợ chồng ly thân vẫn ở với bố nên đề nghị giao cháu Lê Thành A, sinh ngày 03/10/2010 cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chịị H trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Dương Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn G có hộ khẩu và nơi cư trú tại xóm 4, thôn P, xã L, huyện M, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

Anh Lê Văn G dù đã được Tòa án triệu tập, tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị H và anh Lê Văn G tự nguyện kết hôn, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chịị H cũng như kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L và ý kiến cung cấp của bà Cao Thị Th là mẹ đẻ anh G cho thấy: do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra đánh cãi chửi nhau, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế từ cuối năm 2012 đến nay vợ chồng đã sống ly thân.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chịị H và anh G bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: xét yêu cầu của chịị H về việc giao lại con chung là cháu Lê Thành A, sinh ngày 03/10/2010 cho anh G thì thấy: từ năm 2012 khi anh G và chị H ly thân, cháu Lê Thành A đều ở cùng với bố và ông bà nội, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, phát triển bình thường và đảm bảo môi trường học tập đầy đủ. Ngoài ra, cháu A và gia đình anh G cũng có nguyện vọng cho cháu A được tiếp tục ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, theo đó giao cháu Lê Thành A cho anh Lê Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không có yêu cầu.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị H xác nhận không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: chị Dương Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị H được ly hôn anh Lê Văn G.

2. Về con chung: giao cháu Lê Thành A, sinh ngày 03/10/2010 cho anh Lê Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới do các đương sự không có yêu cầu.

Chị Dương Thị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00038509 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L.
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Đức Hiệp